

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình
hồ chứa nước Đá Kẽm, huyện Vĩnh Lộc**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; số 03/2022/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 1249/QĐ-UBND ngày 12/4/2022 về việc phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện khôi phục hồ sơ các hồ chứa nước lớn và vừa đã bàn giao cho các Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 1251/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 về việc gia hạn thời gian thực hiện khôi phục hồ sơ các hồ chứa nước đã bàn giao cho các Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 1492/QĐ-UBND ngày 19/5/2025 về việc chấp thuận điều chỉnh việc thực hiện khôi phục hồ sơ các hồ chứa nước theo các Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 12/4/2022, số 1251/QĐ-UBND ngày 29/3/2024;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Báo cáo thẩm định số 188/BC-SNNMT ngày 12/6/2025 và Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Nam Sông Mã tại Tờ trình số 251/TTr-NSM ngày 28/5/2025 về việc phê duyệt Phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình đập, hồ chứa nước Đá Kẽm, huyện Vĩnh Lộc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình hồ chứa nước Đá Kẽm, huyện Vĩnh Lộc, với các nội dung chính như sau:

1. Mục đích: cấm mốc chỉ giới để xác định phạm vi bảo vệ công trình đập, hồ chứa nước Đá Kẽm do Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Nam

Sông Mã quản lý nhằm chủ động trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình.

2. Phạm vi cấm mốc chỉ giới: toàn bộ các hạng mục công trình đầu mối và vùng lòng hồ.

3. Tổng số lượng mốc chỉ giới 16 mốc (*từ mốc CTTL.01-CTTL.16*), cụ thể:

- Phạm vi vùng phụ cận đập, tràn là 50m tính từ chân đập, tràn trở ra được giới hạn trong phạm vi 06 mốc tọa độ từ CTTL.11 đến CTTL.16.

- Phạm vi vùng phụ cận lòng hồ tính từ đường biên có cao trình bằng cao trình đỉnh đập (+46.00)m được giới hạn trong phạm vi 10 mốc tọa độ từ CTTL.01 đến CTTL.10 trở xuống phía lòng hồ.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

4. Quy cách mốc chỉ giới: cột mốc bằng bê tông cốt thép M200 đúc sẵn, chiều cao mốc 90 cm, mặt cắt ngang (15cm x 15cm); đế mốc bằng bê tông đổ tại chỗ M200, chiều sâu chôn mốc 40cm, mặt cắt ngang (40cm x 40cm), thân mốc nhô lên khỏi mặt đất tự nhiên 50cm.

5. Thời gian thực hiện: Hoàn thành trong năm 2025.

6. Nguồn vốn thực hiện: từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh, nguồn vốn của Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Nam Sông Mã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Nam Sông Mã:

- Chủ trì, phối hợp với UBND huyện Vĩnh Lộc, UBND xã Vĩnh Thịnh thực hiện việc cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình đầu mối đập, hồ chứa nước Đá Kẽm, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc trên thực địa theo đúng phương án được phê duyệt.

- Bàn giao mốc giới cho UBND cấp xã nơi có hồ chứa để quản lý, bảo vệ theo quy định của pháp luật. Trường hợp phạm vi bảo vệ công trình bị lấn chiếm, sử dụng trái phép hoặc thực hiện các hoạt động khi chưa có giấy phép hoặc thực hiện không đúng nội dung của giấy phép được cấp thì phải kịp thời phát hiện, báo cáo và phối hợp với chính quyền địa phương để xử lý theo quy định.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có thay đổi so với phương án được phê duyệt, Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Nam Sông Mã phải có văn bản báo cáo UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường và chỉ được điều chỉnh, bổ sung sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Thanh Hóa.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Nam Sông Mã và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Phương án này; kịp thời báo cáo, tham mưu đề xuất UBND tỉnh những nội dung vượt thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Lộc; Chủ tịch UBND xã Vĩnh Thịnh; Chủ tịch và Giám đốc Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Nam Sông Mã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/cáo);
- Lưu: VT, NNMT, TTPVHCC .

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

Phụ lục: Bảng tổng hợp các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình hồ chứa nước Đá Kẽm, huyện Vĩnh Lộc.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên mốc	Vị trí mốc (đơn vị hành chính cấp xã)	Tọa độ VN2000 Kinh tuyến trực 105°00 múi chiều 3°		Cao độ mốc VN2000 (m)	Khoảng cách giữa hai mốc liền kề (m)	Đặc điểm địa hình	Ghi chú
			X	Y				
I	Mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, tràn							
1	CTTL.11	Xã Vĩnh Thịnh	2218254,876	578043,468	+46.00	0,00	Mép đường giao thông nông thôn (do UBND xã Vĩnh Thịnh quản lý)	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (phía hạ du chân đập)
2	CTTL.12	Xã Vĩnh Thịnh	2218215,458	577959,730	+40.15	92,55	Mép đường giao thông nông thôn (do UBND xã Vĩnh Thịnh quản lý)	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (phía hạ du chân đập)
3	CTTL.13	Xã Vĩnh Thịnh	2218237,838	577879,016	+34.12	83,76	Mép đường giao thông nông thôn (do UBND xã Vĩnh Thịnh quản lý)	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (phía hạ du chân đập)
4	CTTL.14	Xã Vĩnh Thịnh	2218283,336	577789,966	+32.10	100,00	Mép đường giao thông nông thôn (do UBND xã Vĩnh Thịnh quản lý)	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (phía hạ du chân đập)
5	CTTL.15	Xã Vĩnh Thịnh	2218294,369	577690,577	+41.80	100,00	Mép đường giao thông nông thôn (do UBND xã Vĩnh Thịnh quản lý)	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (phía hạ du chân đập)
6	CTTL.16	Xã Vĩnh Thịnh	2218350,776	577649,065	+57.09	70,04	Đất trồng rừng sản xuất (do UBND xã Vĩnh Thịnh quản lý)	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (phía hạ du chân đập)
II	Mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ lòng hồ							
1	CTTL.01	Xã Vĩnh Thịnh	2218442,229	577662,392	+46.00	0,00	Mép đường giao thông nông thôn (do UBND xã Vĩnh Thịnh quản lý)	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (phía lòng hồ)
2	CTTL.02	Xã Vĩnh Thịnh	2218609,688	577519,790	+46.00	219,95	Mép đường giao thông nông thôn (do UBND xã Vĩnh Thịnh quản lý)	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (phía lòng hồ)
3	CTTL.03	Xã Vĩnh Thịnh	2218604,783	577840,231	+46.00	320,48	Đất bằng chưa sử dụng (do UBND xã Vĩnh Thịnh quản lý)	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (phía lòng hồ)

TT	Tên mốc	Vị trí mốc (đơn vị hành chính cấp xã)	Tọa độ VN2000 Kinh tuyến trực 105°00 múi chiếu 3°		Cao độ mốc VN2000 (m)	Khoảng cách giữa hai mốc liền kề (m)	Đặc điểm địa hình	Ghi chú
			X	Y				
4	CTTL.04	Xã Vĩnh Thịnh	2218745,445	578098,587	+46.00	294,17	Mép đường giao thông nông thôn (do UBND xã Vĩnh Thịnh quản lý)	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (phía lòng hồ)
5	CTTL.05	Xã Vĩnh Thịnh	2218678,222	578413,563	+46.00	322,07	Mép đường giao thông nông thôn (do UBND xã Vĩnh Thịnh quản lý)	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (phía lòng hồ)
6	CTTL.06	Xã Vĩnh Thịnh	2218599,549	578730,731	+46.00	326,78	Đất bằng chưa sử dụng (đất do UBND xã Vĩnh Thịnh quản lý)	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (phía lòng hồ)
7	CTTL.07	Xã Vĩnh Thịnh	2218375,434	578948,039	+46.00	312,17	Đất bằng chưa sử dụng (đất do UBND xã Vĩnh Thịnh quản lý)	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (phía lòng hồ)
8	CTTL.08	Xã Vĩnh Thịnh	2218126,278	579051,729	+46.00	269,87	Đất bằng chưa sử dụng (đất do UBND xã Vĩnh Thịnh quản lý)	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (phía lòng hồ)
9	CTTL.09	Xã Vĩnh Thịnh	2218333,014	578683,738	+46.00	422,09	Đất bằng chưa sử dụng (đất do UBND xã Vĩnh Thịnh quản lý)	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (phía lòng hồ)
10	CTTL.10	Xã Vĩnh Thịnh	2218304,431	578241,294	+46.00	443,37	Mép đường giao thông nông thôn (do UBND xã Vĩnh Thịnh quản lý)	Mốc chỉ giới bảo vệ công trình (phía lòng hồ)